TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2023/DS-ST
Ngày: 27/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trung Chính.
2. Bà Đỗ Thị A.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 360/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:
Ngân hàng Thương mại Cổ phần VT.
Địa chỉ: Số S L, phường H, quận Đ, TP. Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).
- Ông Huỳnh Tiến N, sinh năm 1998 (xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: số X C, Phường G, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2023).

2. Bị đơn:
2.1. Ông Triệu Đức S, sinh năm 1981 (vắng mặt).
2.2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: số A M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VT ngày 14/12/2022 cùng bản khai trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Triệu Đức S và bà Huỳnh Thị T có vay vốn của Ngân hàng TMCP VT – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số LN1706220089287/HCM/HĐTD ký ngày 06/7/2017 số tiền vay 451.000.000 (*bốn trăm năm mươi mốt triệu*) đồng. Thời hạn vay 83 tháng, từ ngày 06/7/2017 đến ngày 06/11/2023. Mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS (xe mới 100%). Lãi suất thời điểm cho vay 10.4%/năm, cố định trong 06 tháng đầu tiên. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; số loại: VIOS; số khung: 9F39H5018120; số máy: 2NRX176269, biển số: 51G-432.89 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 284516 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Thị T, Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp đảm bảo, hợp đồng số 1254757900 có hiệu lực từ ngày 06/07/2017 đăng ký tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1706220089287/HCM/HĐTC ngày 06/7/2017 giữa bên thế chấp là ông S, bà T và bên nhận thế chấp là ngân hàng VT.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Triệu Đức S và bà Huỳnh Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng VT kể từ ngày 06/10/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nay yêu cầu ông S và bà T phải trả số vốn lãi còn thiếu trong hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 27/9/2023 tổng cộng là 591.399.278 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 366.750.971 đồng, lãi trong hạn: 149.765.538 đồng, lãi quá hạn: 74.882.769 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng được tính tiếp theo từ ngày 28/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp, ông S và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng VT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; số loại: VIOS; số khung: 9F39H5018120; số máy: 2NRX176269, biển số: 51G-432.89 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 284516 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Thị T.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông S và bà T tiếp tục có nghĩa vụ trả cho ngân hàng VT cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ngoài ra, nguyên đơn ngân hàng VT không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

[2] Bị đơn ông Triệu Đức S và bà Huỳnh Thị T:

Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

[3] Về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải:

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn ngân hàng VT xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ. Bị đơn ông S và bà T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải mà quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VT vẫn giữ nguyên yêu cầu và có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn ông S và bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP VT là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP VT khởi kiện ông S và bà T để yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu trong hợp đồng tín dụng mà đôi bên đã ký kết với nhau và ông S và bà T cư trú tại Quận P, nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương

Ngân hàng TMCP VT khởi kiện ông S và bà T để yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết với nhau, nên ngân hàng TMCP VT tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn. Ông S và bà T tham gia tố tụng với tư cách bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2023 của ngân hàng TMCP VT ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ và Huỳnh Tiến N đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được

Tòa án chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn ngân hàng TMCP VT có ông Nguyễn Văn Đ và Huỳnh Tiến N đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn ông S và bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông S và bà T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP VT:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số LN1706220089287/HCM/HĐTD ngày 06/7/2017 cùng khế ước nhận nợ, ủy nhiệm chi và lời khai trình bày của nguyên đơn ngân hàng TMCP VT có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn ngân hàng TMCP VT và bị đơn ông S, bà T có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng và bị đơn ông S, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn ngân hàng TMCP VT yêu cầu bị đơn ông S, bà T thanh toán ngay một lần số nợ còn thiếu phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 27/9/2023 tổng cộng là 591.399.278 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 366.750.971 đồng, lãi trong hạn: 149.765.538 đồng, lãi quá hạn: 74.882.769 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng được tính tiếp theo từ ngày 28/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bị đơn ông S và bà T không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, thì phía ngân hàng VT được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; số loại: VIOS; số khung: 9F39H5018120; số máy: 2NRX176269, biển số: 51G-43289 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 284516 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Thị T theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1706220089287/HCM/HĐTC ngày 06/7/2017 giữa bên thế chấp là ông S, bà T và bên nhận thế chấp là ngân hàng VT.

Yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng VT là có cơ sở đúng với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phía bị đơn ông S, bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến, yêu cầu, nguyện vọng (nếu có); do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn ngân hàng VT cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP VT được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông S, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 320; 321; 322; 323; 357; 463; 466; 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 3; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP VT;

1.1. Buộc bị đơn ông Triệu Đức S và bà Huỳnh Thị T thanh toán cho nguyên đơn ngân hàng TMCP VT số tiền vốn lãi tính đến hết ngày 27/9/2023 tổng cộng là 591.399.278 (*năm trăm chín mươi mốt triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm bảy mươi tám*) đồng {trong đó tiền nợ gốc: 366.750.971 (*ba trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, chín trăm bảy mươi mốt*) đồng, lãi trong hạn: 149.765.538 (*một trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi tám*) đồng, lãi quá hạn: 74.882.769 (*bảy mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm sáu mươi chín*) đồng} cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LN1706220089287/HCM/HĐTD ngày 06/7/2017 được tính tiếp theo từ ngày 28/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

1.2. Trường hợp bị đơn ông Triệu Đức S và bà Huỳnh Thị T không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, thì phía ngân hàng TMCP VT được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; số loại: VIOS; số khung: 9F39H5018120; số máy: 2NRX176269, biển số: 51G-432.89 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 284516 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Thị T theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số

LN1706220089287/HCM/HĐTC ngày 06/7/2017 giữa bên thế chấp là bị đơn ông Triệu Đức S, bà Huỳnh Thị T và bên nhận thế chấp là ngân hàng TMCP VT.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn ông Triệu Đức S và bà Huỳnh Thị T đối với nguyên đơn ngân hàng TMCP VT. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết nợ thì bị đơn ông Triệu Đức S và bà Huỳnh Thị T phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho nguyên đơn ngân hàng TMCP VT.

1.3. Trường hợp bị đơn ông Triệu Đức S và bà Huỳnh Thị T thanh toán xong nợ, phía nguyên đơn ngân hàng TMCP VT không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì nguyên đơn ngân hàng TMCP VT có trách nhiệm hoàn trả bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho người đã thế chấp như hợp đồng thế chấp mà đôi bên đã ký kết với nhau.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn ông Triệu Đức S và bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 27.655.971 *(hai mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi mốt)* đồng.

2.2. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP VT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn ngân hàng TMCP VT số tiền tạm ứng án phí 12.546.338 *(mười hai triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi tám)* đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0019432 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Chinh